

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 33

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đình Long	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Quốc Khánh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Duy Hưng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tuấn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Anh Tú	Quyền Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Khắc Hải được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 01-11/2016/UQ-NĐDPL ngày 15 tháng 11 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61063721/19356033

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 29 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2018-004-1

Từ Thái Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1543-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		188.281.513.663	215.982.764.020
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	7.914.044.578	103.124.965.180
111	1. Tiền		7.914.044.578	4.301.247.737
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	98.823.717.443
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		179.801.466.556	111.460.000.348
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	37.803.452.517	40.213.871.738
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		225.838.046	216.822.726
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	19	154.000.000.000	70.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.969.245.907	1.029.305.884
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(15.197.069.914)	-
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		566.002.529	1.397.798.492
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		208.543.507	381.268.794
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		328.339.447	330.139.447
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10	29.119.575	686.390.251
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.024.899.967.264	2.021.921.285.520
210	I. Phải thu dài hạn		89.200.000	89.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	89.200.000	89.200.000
220	II. Tài sản cố định		10.753.156.558	10.393.446.612
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	10.753.156.558	10.393.446.612
222	Nguyên giá		21.156.824.457	19.727.925.457
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.403.667.899)	(9.334.478.845)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	2.009.254.808.000	2.009.254.808.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.999.800.000.000	1.999.800.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		9.454.808.000	9.454.808.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		4.802.802.706	2.183.830.908
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		281.526.185	701.968.370
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18.3	4.521.276.521	1.481.862.538
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.213.181.480.927	2.237.904.049.540

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		18.304.057.037	15.110.463.183
310	I. Nợ ngắn hạn		18.304.057.037	15.110.463.183
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	535.734.014	310.745.598
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	268.658.191	350.262.175
314	4. Phải trả người lao động		7.863.687	13.188.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	1.472.563.341	1.322.777.693
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	3.140.952.401	4.083.567.700
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.669.976.504	8.821.612.431
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.194.877.423.890	2.222.793.586.357
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	2.194.877.423.890	2.222.793.586.357
411	1. Vốn cổ phần		1.177.236.300.000	1.023.724.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.177.236.300.000	1.023.724.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.021.071.143.351	1.021.071.143.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(561.000.000)	(561.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(14.382.817.729)	167.044.674.738
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.900.020.265	56.378.185.271
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(22.282.837.994)	110.666.489.467
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.213.181.480.927	2.237.904.049.540


Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng


Võ Anh Tú
Quyền Giám đốc Tài chính


Nguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.1	18.000.000	1.285.155.558
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp		-	-
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		18.000.000	1.285.155.558
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	14.645.322.585	175.189.824.996
22	5. Chi phí tài chính	15	(45.237.250)	(17.819.508.222)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16, 17	(39.272.065.615)	(23.174.663.551)
30	7. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(24.653.980.280)	135.480.808.781
31	8. Thu nhập khác		-	41.836.969
32	9. Chi phí khác		(668.271.697)	(112.629.944)
40	10. Lỗ khác		(668.271.697)	(70.792.975)
50	11. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(25.322.251.977)	135.410.015.806
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.1	-	(24.225.388.877)
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	18.3	3.039.413.983	1.481.862.538
60	14. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(22.282.837.994)	112.666.489.467



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Võ Anh Tú
Quyền Giám đốc Tài chính



Nguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(25.322.251.977)	135.410.015.806
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	7	1.069.189.054	849.218.051
03	Các khoản dự phòng		15.197.069.914	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(14.645.322.585)	(175.189.824.996)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(23.701.315.594)	(38.930.591.139)
09	Giảm các khoản phải thu		2.747.697.643	8.418.830.339
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		577.845.080	(3.674.478.648)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		593.167.472	(543.953.646)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(24.287.312.660)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.017.575.699)	(1.462.022.848)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(22.800.181.098)	(60.479.528.602)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	7	(1.428.899.000)	(2.793.710.882)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(375.548.000.000)	(1.102.710.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		291.548.000.000	1.032.710.000.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	(78.727.181.188)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	177.221.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.018.159.496	82.557.532.775
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(72.410.739.504)	108.257.640.705
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	14.868.000.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(561.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	14.307.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(95.210.920.602)	62.085.112.103
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		103.124.965.180	41.039.853.077
70	Tiền cuối năm	4	7.914.044.578	103.124.965.180



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Võ Anh Tú
Quyền Giám đốc Tài chính



Nguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 18 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 26).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

<i>Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	99,99%	99,99%	Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư
Công ty Cổ phần Pan Farm	Quận Đống Đa, Hà Nội	81,92%	81,92%	Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

<i>Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư
Công ty Cổ phần Pan Farm	Quận Đống Đa, Hà Nội	99,99%	99,99%	Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 8.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

3.5 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.8 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quý đầu tư phát triển

Quý này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quý khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	37.976.400	4.885.000
Tiền gửi ngân hàng	7.876.068.178	4.296.362.737
Các khoản tương đương tiền	-	98.823.717.443
TỔNG CỘNG	7.914.044.578	103.124.965.180

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng		
Dịch vụ Phúc Bảo Minh	37.803.452.517	40.183.071.738
Phải thu từ bên liên quan	-	30.800.000
TỔNG CỘNG	37.803.452.517	40.213.871.738
Dự phòng giảm giá phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(15.197.069.914)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	22.606.382.603	40.213.871.738

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	15.197.069.914	-
Số cuối năm	15.197.069.914	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Lãi dự thu	2.109.479.452	482.316.363
Ký quỹ	447.248.666	345.200.560
Tạm ứng nhân viên	140.749.239	201.788.961
Khác	271.768.550	-
	<u>2.969.245.907</u>	<u>1.029.305.884</u>
Dài hạn		
Ký quỹ	89.200.000	89.200.000
TỔNG CỘNG	<u>3.058.445.907</u>	<u>1.118.505.884</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 19)</i>	2.886.942.002	810.300.256
<i>Phải thu từ bên khác</i>	171.503.905	308.205.628

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	13.778.633.885	5.540.709.422	408.582.150	19.727.925.457
Mua mới	-	1.384.900.000	43.999.000	1.428.899.000
Số cuối năm	<u>13.778.633.885</u>	<u>6.925.609.422</u>	<u>452.581.150</u>	<u>21.156.824.457</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.256.809.102	1.660.440.540	347.882.150	5.265.131.792
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	7.005.037.928	1.954.580.991	374.859.926	9.334.478.845
Khấu hao trong năm	507.339.528	537.032.964	24.816.562	1.069.189.054
Số cuối năm	<u>7.512.377.456</u>	<u>2.491.613.955</u>	<u>399.676.488</u>	<u>10.403.667.899</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>6.773.595.957</u>	<u>3.586.128.431</u>	<u>33.722.224</u>	<u>10.393.446.612</u>
Số cuối năm	<u>6.266.256.429</u>	<u>4.433.995.467</u>	<u>52.904.662</u>	<u>10.753.156.558</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 8.1)	1.999.800.000.000	1.999.800.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 8.2)	9.454.808.000	9.454.808.000
TỔNG CỘNG	2.009.254.808.000	2.009.254.808.000

8.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (i)	999.900.000.000	99,99	999.900.000.000	99,99
Công ty Cổ phần PAN Farm (ii)	999.900.000.000	81,92	999.900.000.000	99,99
TỔNG CỘNG	1.999.800.000.000		1.999.800.000.000	

(i) Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313041011 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam.

(ii) Công ty Cổ phần PAN Farm là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0107519768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2016. Công ty có trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

8.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	5.000.000.000	20	5.000.000.000	20
Công ty TNHH Liên Thái Bình	4.454.808.000	20	4.454.808.000	20
TỔNG CỘNG	9.454.808.000		9.454.808.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	316.025.058	228.745.598
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 19)	<u>219.708.956</u>	<u>82.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>535.734.014</u>	<u>310.745.598</u>

10. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(657.270.676)	-	657.270.676	-
Thuế thu nhập cá nhân	350.262.175	1.427.474.966	(1.509.078.950)	268.658.191
Khác	<u>(29.119.575)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(29.119.575)</u>
TỔNG CỘNG	<u>(336.128.076)</u>	<u>1.427.474.966</u>	<u>(851.808.274)</u>	<u>239.538.616</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải nộp</i>	350.262.175			268.658.191
<i>Trả trước</i>	<u>(686.390.251)</u>			<u>(29.119.575)</u>

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thưởng	1.307.688.000	971.587.000
Chi phí tư vấn và kiểm toán	143.000.000	174.000.000
Khác	<u>21.875.341</u>	<u>177.190.693</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.472.563.341</u>	<u>1.322.777.693</u>

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	92.780.075	92.780.075
Khác	<u>3.048.172.326</u>	<u>3.990.787.625</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.140.952.401</u>	<u>4.083.567.700</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 19)</i>	300.000.000	120.000.000
<i>Phải trả bên khác</i>	<u>2.840.952.401</u>	<u>3.963.567.700</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế)	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	1.008.724.970.000	1.021.203.143.351	-	11.513.798.268	61.631.474.871	2.103.073.386.490
Tăng vốn trong năm	15.000.000.000	(132.000.000)	-	-	-	14.868.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(561.000.000)	-	-	(561.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	112.666.489.467	112.666.489.467
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.253.289.600)	(5.253.289.600)
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số cuối năm	1.023.724.970.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	167.044.674.738	2.222.793.586.357
Năm nay						
Số đầu năm	1.023.724.970.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	167.044.674.738	2.222.793.586.357
Tăng vốn trong năm	153.511.330.000	-	-	-	(153.511.330.000)	-
Lũ thuần trong năm	-	-	-	-	(22.282.837.994)	(22.282.837.994)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.633.324.473)	(5.633.324.473)
Số cuối năm	1.177.236.300.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	(14.382.817.729)	2.194.877.423.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.023.724.970.000	1.008.724.970.000
Tăng trong năm	<u>153.511.330.000</u>	<u>15.000.000.000</u>
Số cuối năm	<u>1.177.236.300.000</u>	<u>1.023.724.970.000</u>

Vào ngày 1 tháng 8 năm 2017, Công ty đã phát hành 15.351.133 cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu dưới hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên số 01-04/NQ – ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết HĐQT số 02-06/2017/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2017. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đã được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước qua Công văn số 5429/UBCK-QLCB ngày 8 tháng 8 năm 2017 và Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 15 vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

13.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phần	Số cổ phần
Cổ phiếu đã được duyệt	117.723.630	102.372.497
Cổ phiếu đã phát hành		
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	117.723.630	102.372.497
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	(30.000)	(30.000)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	117.693.630	102.342.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

14. DOANH THU

14.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	18.000.000	1.285.155.558
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cho thuê</i>	18.000.000	1.285.155.558
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	18.000.000	1.044.625.774
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	-	240.529.784

14.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	5.962.465.955	17.063.290.139
Thu nhập từ cổ tức	6.387.000.000	22.942.500.000
Lãi cho vay	2.109.479.452	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	186.377.178	34.058.999
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	-	135.149.975.858
TỔNG CỘNG	14.645.322.585	175.189.824.996

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí tư vấn	-	9.952.602.865
Khác	45.237.250	7.866.905.357
TỔNG CỘNG	45.237.250	17.819.508.222

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng	15.197.069.914	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.213.232.748	12.039.346.266
Chi phí lương	8.337.169.346	9.687.775.717
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 7</i>)	1.069.189.054	849.218.051
Chi phí khác	455.404.553	598.323.517
TỔNG CỘNG	39.272.065.615	23.174.663.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng	15.197.069.914	-
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 7</i>)	14.213.232.748	849.218.051
Chi phí lương	8.337.169.346	9.687.775.717
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.069.189.054	12.039.346.266
Chi phí khác	455.404.553	598.323.517
TỔNG CỘNG	<u>39.272.065.615</u>	<u>23.174.663.551</u>

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	24.157.149.493
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	68.239.384
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(3.039.413.983)</u>	<u>(1.481.862.538)</u>
TỔNG CỘNG	<u>(3.039.413.983)</u>	<u>22.743.526.339</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>(25.322.251.977)</u>	<u>135.410.015.806</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(5.064.450.395)	27.082.003.161
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận từ lỗ tính thuế	2.974.007.485	-
Chi phí không được khấu trừ	328.428.927	181.783.794
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	68.239.384
Thu nhập từ cổ tức	<u>(1.277.400.000)</u>	<u>(4.588.500.000)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>(3.039.413.983)</u>	<u>22.743.526.339</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

18.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

18.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

		VND	
		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
		<i>hoạt động kinh doanh riêng</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi	4.521.276.521	1.481.862.538	3.039.413.983
	4.521.276.521	1.481.862.538	1.481.862.538
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		3.039.413.983	1.481.862.538

18.3 Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 14.870.037.424 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

		VND	
		<i>Chưa chuyển lỗ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	
		<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Chưa chuyển lỗ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
2017	2022	14.870.037.424	14.870.037.424
		-	-

Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm 2017 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Tiền chi cho hoạt động đầu tư Lãi từ hoạt động đầu tư Phí tư vấn	291.548.000.000 6.388.865.651 -	1.032.710.000.000 16.899.483.564 9.952.602.865	
		Doanh thu cho thuê văn phòng Phí tư vấn và phát hành chứng khoán	- -	133.140.463 132.000.000	
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Mua hàng hóa Chi hộ Doanh thu cho thuê xe	84.000.000.000 2.109.479.452 470.915.602 36.960.000 18.000.000	70.000.000.000 - - 49.089.876 108.000.000	
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Cổ tức nhận trong năm Doanh thu cho thuê văn phòng Chi phí dịch vụ vệ sinh	5.187.000.000 - -	36.000.000.000 763.485.310 198.235.240	
Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam	Cổ đông	Chi phí thuế văn phòng Đặt cọc cho thuê văn phòng	1.346.765.898 438.382.000	- -	
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phí dịch vụ	1.761.519.638	391.600.000	
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông	Chi phí thuế văn phòng	1.596.258.315	1.918.453.127	
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Công ty liên kết	Cổ tức nhận trong năm	1.200.000.000	7.000.000.000	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Chi phí thuế văn phòng	655.200.000	655.200.000	
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	Công ty con gián tiếp	Chi hộ Thu nhập cổ tức	216.737.510 -	84.395.850 22.942.500.000	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Pan	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	77.980.650	3.850.000	
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	59.400.917	-	
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	41.043.163	27.300.000	
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	29.055.400	31.150.000	
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	25.548.233	-	
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	Bên liên quan	Chi hộ	18.452.000	-	
Công ty Cổ phần Pan-Saladbowl	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	12.320.000	-	
		Góp vốn	-	17.955.000.000	
Công ty Quản lý Quỹ SSI	Cổ đông	Chi hộ	4.149.250	27.630.000	
		Phí dịch vụ	-	360.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Bên liên quan	Chi hộ	3.850.000	-	
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Bên liên quan	Chi hộ	2.552.000	-	
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty con				
		Góp vốn bằng cổ phiếu Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	-	921.172.818.812	
		Góp vốn bằng tiền	-	60.772.181.188	
		Góp vốn bằng cổ phiếu Công ty Cổ phần PAN-SaladBowl	-	17.955.000.000	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu khác					
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Lãi dự thu Chi hộ	2.109.479.452	-	-
Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam	Cổ đồng	Đặt cọc thuê văn phòng	36.960.000	-	-
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đồng	Đặt cọc thuê văn phòng	438.382.000	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm PAN	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	304.700.560	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	70.045.250	-	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	49.481.667	-	-
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	27.486.800	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	Bên liên quan	Chi hộ	21.120.000	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	18.452.000	-	-
Công ty Cổ phần PAN-SaladBowl	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	17.612.833	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Bên liên quan	Chi hộ	12.320.000	-	-
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Bên liên quan	Chi hộ	3.850.000	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đồng	Chi hộ	2.552.000	-	-
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Lãi dự thu	-	426.399.696	-
		Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000	-
			2.886.942.002	810.300.256	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho vay	154.000.000.000	70.000.000.000	
Đây là khoản cho vay tín chấp đến hạn vào ngày 29 tháng 6 năm 2018 và hưởng lãi suất 5%/năm.					
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Biên liên quan	Phí dịch vụ	219.708.956	-	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Phí dịch vụ	-	82.000.000	
			219.708.956	82.000.000	
Phải trả ngắn hạn khác					
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thù lao	300.000.000	120.000.000	

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước	VND
Tiền lương	3.020.000.000	2.185.250.000	
Tiền thưởng	550.000.000	528.333.000	
TỔNG CỘNG	3.570.000.000	2.713.583.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.915.028.000	1.717.642.742
Từ 1 đến 5 năm	3.935.316.178	2.620.800.000
Trên 5 năm	6.726.217.105	7.381.776.316
TỔNG CỘNG	<u>13.576.561.283</u>	<u>11.720.219.058</u>

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

			VND
	<i>Tổng cộng</i>	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm</i>
			<u>91-180 ngày</u>
Số cuối năm	202.635.193.763	164.831.741.246	37.803.452.517
Số đầu năm	214.255.553.841	214.255.553.841	-

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

	<i>VND</i> <i>Dưới 1 năm</i>
Số cuối năm	
Phải trả người bán ngắn hạn	535.734.014
Chi phí phải trả ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác	164.875.341
	700.609.355
 Số đầu năm	
Phải trả người bán ngắn hạn	310.745.598
Chi phí phải trả ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác	351.190.693
	661.936.291

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính								
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	37.803.452.517	(15.197.069.914)	40.213.871.738	-	22.606.382.603	40.213.871.738	22.606.382.603	40.183.071.738
- Phải thu từ bên khác	37.803.452.517	(15.197.069.914)	40.183.071.738	-	22.606.382.603	40.183.071.738	22.606.382.603	40.183.071.738
- Phải thu từ bên liên quan	-	-	30.800.000	-	-	30.800.000	-	30.800.000
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	154.000.000.000	-	70.000.000.000	-	154.000.000.000	70.000.000.000	154.000.000.000	70.000.000.000
Phải thu khác	2.917.696.668	-	916.716.923	-	2.917.696.668	916.716.923	2.917.696.668	916.716.923
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.914.044.578	-	103.124.965.180	-	7.914.044.578	103.124.965.180	7.914.044.578	103.124.965.180
TỔNG CỘNG	202.635.193.763	(15.197.069.914)	214.255.553.841	-	187.438.123.849	214.255.553.841	187.438.123.849	214.255.553.841

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính								
Phải trả người bán ngắn hạn	535.734.014	310.745.598	535.734.014	310.745.598	535.734.014	310.745.598	535.734.014	310.745.598
Phải trả khác	164.875.341	351.190.693	164.875.341	351.190.693	164.875.341	351.190.693	164.875.341	351.190.693
TỔNG CỘNG	700.609.355	661.936.291	700.609.355	661.936.291	700.609.355	661.936.291	700.609.355	661.936.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, các khoản phải trả người bán ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu ngắn hạn được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

23. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 15 tháng 1 năm 2018, Công ty đã thực hiện phát hành 2.478.000 cổ phiếu và tái phát hành 30.000 cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị trong năm 2017. Theo đó, vào ngày 15 tháng 1 năm 2018, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 1.177.236.300.000 VND lên 1.202.016.300.000 VND.

Việc phát hành trên đã được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 29 tháng 1 năm 2018. Vào ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình đệ trình hồ sơ lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An để xin điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp về việc tăng vốn cổ phần.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Võ Anh Tú
Quyền Giám đốc Tài chính




Nguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018